TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2021/DS–ST
Ngày: 26/6/2021
V/v tranh chấp "Kiện đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai
2. Ông Phạm Văn Vũ

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú: Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐST–DS ngày 06/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Số 175/1, ấp AĐ, xã AĐ, huyện TP, tỉnh BT.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Số 186/4, ấp GH, xã AĐ, huyện TP, tỉnh BT.

Bà Nguyễn Thị M ủy quyền cho ông Lê Văn N, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Số 67/3, ấp GH, xã AĐ, huyện TP, tỉnh BT.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn N, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Số 67/3, ấp GH, xã AĐ, huyện TP, tỉnh BT.

Bà Lý Thị M, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Số 76/2, ấp AĐ, xã AĐ, huyện TP, tỉnh BT (vắng mặt)

Anh Lê Nguyễn Minh T, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Số 186/4, ấp GH, xã AĐ, huyện TP, Tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2019, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị N trình

bày: Vào năm 2018 bà Đặng Thị N có nhu cầu thuê người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại huyện Ba Tri, Bến Tre. Khi đến nhà chị Lý Thị M bà N có nói ra nhu cầu của mình nên chị M có nói ông Lê Văn N có cháu làm luật sư và có làm giấy tờ thuê nên bà M giới thiệu ông Ng. Sau khi bà N được ông N cho số điện thoại của chị Hồ Thị Thanh T thì bà N liên hệ với chị T về việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà N và chị T thỏa thuận chị T làm thủ tục và đi đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N trong thời gian 01 tháng với giá là 30.000.000 đồng. Bà N không tin tưởng chị T nên vào ngày 16/10/2018 (Al) đem tiền đưa cho bà Nguyễn Thị M là vợ ông N để bà M chuyển tiền cho chị T. Nhưng sau đó chị T không thực hiện theo lời hứa và cũng không liên lạc được với chị T. Do bà Nguyễn Thị M có cam kết nếu chị T không làm được thì bà M trả tiền lại cho bà N nên bà N yêu cầu bà M trả cho bà Nga 30.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị M trình bày cũng như lời trình bày tại phiên tòa đại diện ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn N trình bày: Bà Nguyễn Thị M có biết ông Lê Văn N cho bà Đặng Thị N số điện thoại của chị Hồ Thị Thanh T để chị T làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị N. Nhưng việc thỏa thuận giấy tờ và thời gian làm như thế nào bà M không biết đến ngày 16/10/2018 (Al) bà N đem tiền qua nhờ bà M chuyển tiền cho chị T là 30.000.000 đồng. Bà N có kêu bà N ký tên vào tờ giấy viết tay. Ngày hôm sau bà M đưa tiền cho con bà là Lê Nguyễn Minh T đến Trung tâm Viettel chuyển tiền cho chị T. Trên đường đi do T không có bằng lái nên bị giao thông thổi phạt và chị T cho T 1.000.000 đồng để đóng phạt trong số tiền 30.000.000 đồng nên T chỉ chuyển tiền cho chị T 29.000.000 đồng. Tại tòa hôm nay bà N trình bày bà M cam kết nếu chị T không thực hiện thỏa thuận thì bà M trả lại tiền cho bà N là không đúng vì theo giấy tay ngày 16/10/2018 bà N viết sẵn và có nội dung là "nhờ bà M chuyển cho cháu T". Nay bà N yêu cầu bà M trả phần tiền này bà M không đồng ý vì bà M đã chuyển cho chị T ngày hôm sau rồi nên không có nghĩa vụ trong số tiền 30.000.000 đồng.

Ông Lê Văn N có cho bà N số điện thoại của chị T để bà N thuê chị T làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó bà N tự liên hệ và thỏa thuận với chị T ông N không biết và cũng không có cam kết bảo lãnh cho chị T. Khi chị T xuống Thạnh Phú để gặp bà N thì có đến nhà ông N gởi con cho vợ chồng ông N, chị T và bà N đi qua Ba Tri để xem đất.

Trong quá trình hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị M trình bày: Vào năm 2018 bà N đến nhà chị M may đồ và có nói tính thuê luật sư làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị M biết ông N có cháu làm luật sư nên có nói cho bà N biết và ông N có cho bà N số điện thoại của chị T. Bà N có đưa cho

chị M 30.000.000 đồng để đưa cho ông N thì ông N không nhận nên bà M nhận. Giấy bà N cung cấp là do bà N viết và chị M có ký tên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Nguyễn Minh T trình bày: Vào ngày 22/11/2018 anh T có nhận từ bà M số tiền 30.000.000 đồng để chuyển cho chị T ở Châu Thành, anh T đi đến đường gần bến phà qua Ba Tri thì bị lực lương Công an kiểm tra, do anh T không có bằng lái xe nên bị phạt, anh T gọi điện cho chị T nên chị T cho anh 1.000.000 đồng trong số tiền 30.000.000 đồng để đóng phạt nên còn 29.000.000 đồng anh T đã chuyển cho chị T. Anh T không có chứng cứ chứng minh chị T cho anh T 1.000.000 đồng để đóng phạt cho anh T và chị T gọi điện để liên lạc với nhau.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng vào Điều 36, Điều 39 và Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị M hoàn trả 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đương sự trình bày, Kiểm sát viên phát biểu. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Đặng Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị M hoàn trả số tiền 30.000.000 đồng. Căn cứ vào điều 166 Bộ luật Dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Kiện đòi tài sản".

[2] Thẩm quyền xét xử: Theo xác nhận của Công an xã An Điền xác nhận bà Nguyễn Thị M có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã AĐ, huyện TP, tỉnh BT. Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 33, điểm a, khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[3] Nội dung vụ án:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị M hoàn trả số tiền 30.000.000 đồng do bà N giao cho bà Nguyễn Thị M để gởi cho chị Hồ Thị Thanh T để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị N trong thời gian một tháng. Chị T đã nhận tiền nhưng không thực hiện và chị T đã cắt liên lạc với bà N. Bà N cho rằng khi đưa tiền cho bà M, bà M có cam kết nếu chị T không thực hiện làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N thì bà M trả tiền lại cho bà N. Bà Nguyễn Thị M thừa nhận có nhận của bà N số tiền

30.000.000 đồng để chuyển cho chị T và bà đã giao tiền cho con là Lê Nguyễn Minh T chuyển tiền cho chị T nên bà không có nghĩa vụ trong số tiền 30.000.000 đồng và bà M không có cam kết nếu chị T không thực hiện thỏa thuận với bà M thì bà trả lại số tiền 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết bà N cho rằng Lê Văn N cam kết với bà N là chị T làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N trong thời gian một tháng nếu chị T không thực hiện ông N chịu trách nhiệm với chị T nhưng tại phiên tòa bà N lại trình bày là bà M cam kết nếu chị T không thực hiện thay bà N làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà N không có chứng cứ chứng minh ông N, bà M có cam kết nếu chị T không thực hiện thỏa thuận thì bà M, ông N phải trả lại cho bà N 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy vào năm 2018 bà Đặng Thị N và chị Hồ Thị Thanh T có thỏa thuận chị T đi làm thủ tục và liên hệ với cơ quan có thẩm quyền huyện Ba Tri để bà N có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời gian 01 tháng với giá là 30.000.000 đồng. Do chị T không phải là người địa phương và do ông Lê Văn N giới thiệu nên bà N giao tiền cho bà Nguyễn Thị M (là vợ ông N) chuyển cho chị T, khi giao tiền bà M có ký vào giấy tay do bà N viết. Sau khi nhận tiền bà M đưa cho con là Lê Nguyễn Minh T đến Trung tâm Viettel chuyển cho chị T, trên đường từ xã An Điền đến thị trấn Thạnh Phú Lê Nguyễn Minh T bị lực lượng cảnh sát giao thông huyện Thạnh Phú thổi phạt và anh T đã lấy 1.000.000 đồng nộp phạt chỉ chuyển cho chị T 29.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị N không yêu cầu tòa án xác minh bà N có chuyển tiền cho chị T hay không, Tòa án đã xác minh chị Hồ Thị Thanh T không có ở địa phương và cũng không biết đang sinh sống ở đâu nên không làm xác minh được sự thỏa thuận giữa chị N và chị T có ông N và bà M cam kết nếu chị T không thực hiện thỏa thuận thì ông N, bà M hoàn trả 30.000.000 đồng cho bà N. Như vậy, không có căn cứ ông Lê Văn N có cam kết với bà Đặng Thị N nếu chị Hồ Thị Thanh T không thực hiện thỏa thuận với bà N trong thời gian một tháng thì ông N, bà M cùng chịu trách nhiệm.

Bà Nguyễn Thị M đã cung cấp cho tòa án giấy chuyển tiền cho chị T là 29.000.000 đồng vào ngày 22/11/2018 do anh Lê Nguyễn Minh T của Trung tâm Viettel Thạnh Phú. Như vậy, bà Nguyễn Thị M đã thực hiện việc chuyển tiền cho chị T theo yêu cầu của bà N nên bà N yêu cầu bà M trả số tiền 30.000.000 đồng là không có căn cứ. Bà Đặng Thị N được quyền khởi kiện chị Hồ Thị Thanh T ở một vụ kiện dân sự khác.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng anh Lê Nguyễn Minh T cho rằng chị T cho anh trong số tiền 30.000.000 đồng của bà N nhờ chuyển cho chị T để anh đóng phạt Công an giao thông nhưng anh T không chứng minh được chị T đã cho anh số tiền trên đáng lẽ anh T phải trả cho bà N số tiền 1.000.000 đồng nhưng bà N không yêu cầu

anh T trả nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này bà N yêu cầu anh T trả thì thụ lý một vụ kiện dân sự khác.

[6] Án phí dân sự:

Do bà Đặng Thị N khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự giá ngạch 5%: 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng.

[7] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị N về việc bà Đặng Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả cho bà N số tiền 30.000.000 đồng.

2. Án phí dân sự: Án phí dân sự giá ngạch sơ thẩm: Bà Đặng Thị N phải nộp là 1.500.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 824.700 đồng tại biên lai thu số 0006231 ngày 03/12/202019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Bà Đặng Thị N phải nộp thêm 675.300 đồng.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Thạnh Phú (1b);
- Đương sự (05b);
- Chi Cục THADS huyện Thạnh Phú (1b);
- Lưu: HS; VP; KTNV(3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thúy